

Số: /SGDĐT-GDNNQLĐT

Quảng Ngãi, ngày tháng 9 năm 2025

V/v hướng dẫn triển khai nhiệm vụ
phát triển giáo dục nghề nghiệp thuộc
Chương trình MTQG: phát triển kinh
tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu
số và miền núi; giảm nghèo bền vững
năm 2025

Kính gửi:

- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Công văn số 2090/UBND-KGVX ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh về việc khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Tiểu dự án 3, Dự án 5 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trong năm 2025; Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn và đề nghị các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN), UBND các xã, phường, đặc khu thực hiện một số nội dung sau:

1. Một số văn bản hướng dẫn thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ).

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số nội dung của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ 2021 đến năm 2025.

- Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (được sửa đổi tại Thông tư số 03/2023/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân

sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

- Công văn số 1005/BNMT-PC ngày 11/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

- Công văn số 256/BDTTG-VPCTMTQG ngày 08/4/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc hướng dẫn chế độ, chính sách của CTMTQG DTTS tại ĐVHC thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

2. Tổ chức triển khai thực hiện

Đề nghị UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ sở GDNN thụ hưởng Chương trình: căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nguồn kinh phí được giao và các quy định hướng dẫn thực hiện các Tiểu dự án, Dự án về GDNN thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện để kịp thời giải ngân kế hoạch vốn đã được phân bổ trong năm 2025. Trong đó, lưu ý một số quy định như sau:

2.1. Tiểu dự án 1, Dự án 4 thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trong năm 2025

a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ: quy định tại điểm a khoản 4 mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ).

b) Nội dung chi tiết và cách thức thực hiện: quy định tại Chương II (từ Điều 3 đến Điều 21) Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (được sửa đổi tại Thông tư số 03/2023/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

c) Nội dung và mức chi: quy định tại tiểu mục 4.1 (từ Điều 60 đến Điều 68), mục 4 Chương III Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

d) Tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng:

- Đối tượng được hỗ trợ: lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp. Việc tổ chức rà soát, xác định “người lao động có thu nhập thấp” thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021 ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

- Hình thức thực hiện: thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên. Thẩm quyền thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện¹.

- Nội dung, mức hỗ trợ: theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính) và các quy định của pháp luật có liên quan khác.

- Danh mục ngành, nghề và đơn giá đặt hàng đào tạo: Thực hiện theo các quy định sau:

+ Đối với các địa phương, cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi cũ: Thực hiện theo Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt danh mục nghề, định mức chi phí đào tạo đối với từng nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 22/5/2019, Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 28/6/2019, Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 và Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 27/2/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt bổ sung danh mục nghề, định mức chi phí đào tạo quy định tại Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Đối với các địa phương, cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh Kon Tum cũ: Thực hiện theo Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND tỉnh Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng cho 20 nghề áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 về việc ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước cho 20 nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 (ba) tháng trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Quyết định số 59/2023/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh duyệt danh mục nghề đào tạo, đơn giá đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đào tạo, mức hỗ trợ chi phí đào tạo cho từng nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 (ba) tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2.2. Tiểu dự án 3, Dự án 5 thuộc chương trình MTQG quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025 trong năm 2025

a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ: theo quy định tại điểm c khoản 4 mục II Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

¹ Quy định tại Điều 11 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

b) Nội dung chi tiết và cách thức thực hiện: quy định từ Điều 22 đến Điều 35, Chương III Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (được sửa đổi tại Thông tư số 03/2023/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

c) Nội dung và mức chi: quy định từ Điều 22 đến Điều 30, tiểu mục 5.3, mục 5, Chương II Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

d) Tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng:

- Đối tượng hỗ trợ: Người lao động là người dân tộc thiểu số, người lao động là người Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hình thức thực hiện, nội dung, mức hỗ trợ; danh mục ngành, nghề và đơn giá đặt hàng đào tạo: theo quy định như thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 4 thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững nêu trên.

3. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh: Tích cực phối hợp với UBND các xã, phường, đặc khu trong việc khảo sát nhu cầu học nghề, xây dựng kế hoạch, tổ chức mở lớp đào tạo trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng phù hợp với điều kiện của địa phương và nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Trong đó ưu tiên người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn, lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, lao động có thu nhập thấp, lao động bị mất việc làm.

4. Đề nghị các địa phương, đơn vị thường xuyên theo dõi, định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện của địa phương, đơn vị gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Trong quá trình thực hiện các Tiểu dự án, Dự án về GDNN thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo (*qua Phòng Giáo dục nghề nghiệp và Quản lý đào tạo*) để kịp thời hướng dẫn thực hiện hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các địa phương, đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo (*p/hợp*);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (*p/hợp*);
- Giám đốc, các PGĐ Sở GDĐT;
- Các Phòng chuyên môn Sở;
- Lưu: VT, GDNNQLĐT_{NTD}

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trọng Thắng